

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-PT
Ngày 05 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Mỹ

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Tám

Ông Lê Thanh Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trần Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 115/2019/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Thạch Thị Đà L và Thạch Thị H, do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2019/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Thạch Thị Đà L** (tên gọi khác: Pu), sinh năm 1985 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch L1, sinh năm 1950 và bà Trương Thị X, sinh năm 1958; có chồng là Trần Văn D, sinh năm 1982 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố ngày 25/10/2018 đến ngày 01/11/2018 bị bắt tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. Họ và tên: **Thạch Thị H**, sinh năm 1978 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp Prey Chóp, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Kh, sinh năm 1935 (chết) và bà Triệu Thị K, sinh năm 1935; có chồng là Thái H1, sinh năm 1975 và 02 người con, lớn nhất 2006 nhỏ nhất 2009; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị Đà L:* Bà Trần Thị Hằng Như là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị H:* Ông Dương Bạch Triều là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị hại:*

+ Chị Lý Thị Phi L2 (tên gọi khác : Sậy), sinh năm 1994

+ Anh Thạch Phương Q, sinh năm 1992

+ Bà Trần Thị Xuân H3, sinh năm 1966

+ Ông Lý V, sinh năm 1966 (có mặt);

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Xuân H3, chị Lý Thị Phi L2 và anh Thạch Phương Q: Ông Lý V.

Cùng địa chỉ: Ấp Prey Chóp, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Thị Xuân H3 và Lý Thị Phi L2:* Ông Huỳnh Phước Hậu – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch Hương – Cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp thành phố Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị Xuân H3, chị Lý Thị Phi L2 và mất khả năng chi trả; Thạch Thị Đà L thấy thủ tục cho vay đơn giản và nhà Đà L có kinh doanh photo tài liệu, hồ sơ nên có sẵn giấy chứng minh nhân dân photo của người khác. Do đó, Đà L bàn bạc đối với Thạch Thị H cùng nói dối với bà H3, chị Phi L2 có người bà con hoặc người quen nhờ Đà L vay tiền giùm để mua bán, làm đám... Sau đó, cả hai lấy giấy chứng minh nhân dân photo và ký giả chữ ký, viết họ tên của người khác... vào giấy biên nhận tiền đưa bà H3 và Phi L2 để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của tiền của bà H3 và chị Phi L2, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 26/01/2017 (nhằm ngày 29/12/2016 âm lịch), Đà L thỏa thuận với H muốn có tiền bán thuốc tây và làm đám cưới cho em của Đà L nên nhờ H nói dối với bà H3 có người bà con tên Lý Ngọc C muốn có tiền làm ăn nên nhờ L vay giùm 80.000.000 đồng và hứa với bị cáo H là sẽ đóng đủ. Nếu bà H3 đồng ý cho vay, Đà L sẽ cho H 500.000 đồng thì H đồng ý. Sau khi thỏa thuận và thống nhất xong, Đà L gọi điện thoại vào máy di động của H để nói chuyện với bà H3 là có người bà con tên Lý Ngọc C muốn vay 80.000.000 đồng để có vốn làm ăn, Đà L sẽ bảo lãnh cho C đóng tiền đúng hạn. Khi bà H3 đang nói chuyện điện thoại thì H nói xen vào C đúng là bà con với Đà L, nghe điện thoại xong bà H3 kêu

H đem tờ giấy biên nhận tiền cho C ký, photo giấy chứng minh nhân dân của C và đem về cho bà H3. H đem tờ giấy biên nhận tiền cho Đà L ký và ghi họ tên của Lý Ngọc C dưới mục bên nhận tiền và ghi dòng chữ bên dưới “*nhận tiền tám mươi triệu đồng ngày 29-12-2016*”, rồi Đà L đưa cho H 01 giấy chứng minh nhân dân photo mang tên Lý Ngọc C. H đưa giấy biên nhận tiền và giấy chứng minh trên cho bà H3 để lấy tiền. Khi xem tờ biên nhận, bà H3 tin tưởng là thật nên đã đưa H 80.000.000 đồng tại nhà của mình (ấp Preychop, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng) để H đem đi đưa cho Lý Ngọc C. H đem tiền này đưa cho Đà L tại ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Khi nhận tiền, Đà L cho H 500.000 đồng và đóng được 08 ngày, với số tiền là 8.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 03/02/2017 (nhằm ngày 07/01/2017 âm lịch), Đà L thống nhất với H như lần thứ nhất và gọi điện thoại vào máy di động của chị Lý Thị Phi L2 (con ruột bà Hoa) nói dối với Phi L2 có người bà con tên Thạch Thị L3 cần vay tiền để mua bán, chị Phi L2 hỏi “*chỉ còn 70.000.000 đồng tiền đứng chị có vay không?*”, Đà L đồng ý vay. H và chị Phi L2 đưa tiền cho Đà L tại nhà của Đà L. Sau khi vay tiền, Đà L đóng cho Phi L2 được 5.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 10/02/2017 (nhằm ngày 14/01/2017 âm lịch), Đà L thống nhất với H như hai lần trước là Đà L điện thoại vào máy di động của H để nói chuyện với bà H3 về việc có người bà con tên Lâm Thị Kim T cần vay 240.000.000 đồng để có tiền mua bán tôm, tép... Cùng lúc này H nói với bà H3 “*T là bà con dòng họ với Đà L, cứ cho T vô hụi đi, H sẽ đi gom tiền góp mỗi ngày*”, bà H3 tin tưởng kêu H đưa giấy biên nhận tiền cho T ký tên nhận tiền và photo giấy chứng minh nhân dân của T đem về. Sau khi H đem giấy về giao cho bà H3 thì bà H3 kêu H chở đến nhà của Đà L tại ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu để đưa số tiền 240.000.000 đồng cho T. Ngày hôm sau, khi H đi thu tiền, Đà L gặp cho H 500.000 đồng việc giúp Đà L giả tên T vay tiền của bà Hoa. Sau khi vay tiền, Đà L đóng được 04 ngày với số tiền là 12.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Đà L xác định không biết Lâm Thị Kim T là ai, không có thỏa thuận với H bất cứ vấn đề gì liên quan đến Lâm Thị Kim T và không nhận số tiền 240.000.000 đồng của bà H3. Đà L cho rằng lời khai của H, bà H3 và ông V là không đúng sự thật.

Tại bản kết luận giám định số 128/GĐ-2018 ngày 15/6/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

* Chữ ký:

- Chữ ký (dạng chữ viết) “t” dưới mục “BÊN NHẬN TIỀN” trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A3) so với chữ ký (dạng chữ viết) đứng tên Thạch Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M8, M9) là do cùng một người ký ra.

* Chữ viết:

- Dòng chữ “Có nhận Tiền đứng của Xây 70 triệu Ngày 08/01/2017” trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A2) so với chữ viết đứng tên Thạch Thị Đà L trên tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M3, M4, M5, M6, M7) là do cùng một người viết ra.

- Dòng chữ “Tôi có Lầy 240 Triệu của cô Trần Thị Xuân H3” trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A3) so với chữ viết đứng tên Thạch Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M8, M9) là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 214/GĐ-2018 ngày 14/9/2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

- Chữ viết “Thạch Thị Đà L” dưới mục: “BÊN NHẬN TIỀN” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, A3 và các chữ có nội dung: “Tôi còn Thiếu Phi L2 1,250 Triệu đồng.”, “Tôi còn Thiếu Cô Trần Thị Xuân H3... Tôi không còn Thiếu chị H nữa: Thạch Thị Đà L.”, “Tôi có lầy hụi chú V ...Trở đi: Một Triệu rưỡi hàng... Thạch Thị Đà L.” lần lượt trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết của Thạch Thị Đà L trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thạch Thị Đà L (Pu), Thạch Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Thạch Thị H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2.2 Điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Thạch Thị Đà L (Pu) 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 584, Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Thạch Thị H bồi thường cho bà Trần Thị Xuân H3 và ông Lý V số tiền 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

Buộc bị cáo Thạch Thị Đà L (Pu) bồi thường cho chị Lý Thị Phi L2 và anh Thạch Phương Q số tiền 57.500.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Thạch Thị Đà L (Pu) bồi thường cho bà Trần Thị Xuân H3 và ông Lý V số tiền 64.500.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm có giá ngạch, lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019, bị cáo Thạch Thị Đà L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/12/2019, bị cáo Thạch Thị H kháng cáo kêu oan, vì bị cáo không có nhận tiền, người nhận tiền là bị cáo Thạch Thị Đà L. Cùng ngày, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Thạch Thị Đà L theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Đà L bồi thường số tiền chiếm đoạt lần thứ 3 là 240.000.000đ chứ không phải buộc bị cáo H bồi thường như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 06/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đà L; đồng thời tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Thạch Thị Đà L và Thạch Thị H. Giải quyết trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu như nội dung đơn kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để buộc tội đối với Thạch Thị H và Thạch Thị Đà L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn toàn có cơ sở. Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm vi phạm thẩm quyền gia hạn điều tra lần 2 đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, nên các chứng cứ thu thập được trong thời hạn gia hạn điều tra được xem là không hợp lệ, không có giá trị pháp lý dùng làm căn cứ giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: căn cứ các lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng vẫn còn nhiều mâu thuẫn chưa được tiến hành đối chất, làm rõ bản chất của vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến kháng cáo của các bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu mà căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu điều tra lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và Đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại đúng về thể thức và thời hạn nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tiến hành gia hạn điều tra vụ án lần 2 đối với vụ án rất nghiêm trọng là chưa thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 172 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, việc điều tra, thu thập chứng cứ trong giai đoạn từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/7/2019 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên các tài liệu chứng cứ thu thập trong thời gian nêu trên đều không có giá trị pháp lý dùng làm căn cứ để chứng minh tội phạm và giải quyết vụ án đúng theo pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đà L thừa nhận do mất khả năng thanh toán các khoản nợ cho bà H3 và chị Phi L2 nên đã bàn bạc với bị cáo H là dùng bản photo giấy chứng minh nhân dân và ký giả tên người khác với hình thức vay tiền của bà H3 và chị Phi L2 nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi nêu trên của các bị cáo là đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Bị cáo Đà L chỉ thừa nhận cùng bị cáo H giả tên của Lý Ngọc C và Thạch Thị L3 chiếm đoạt tổng số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) của bà H3 và chị Phi L2, không thừa nhận hành vi giả tên Lâm Thị Kim T để chiếm đoạt số tiền 240.000.000đ (hai trăm bốn mươi triệu đồng) của bà H3.

Xét thấy, tại Biên bản hỏi cung ngày 02/11/2018 bị cáo Đà L khai: *Tôi và H giả danh nghĩa tên Lý Ngọc C và Lâm Thị Kim T vay tiền của bà H3 số tiền là 320.000.000đ, giả danh nghĩa của Thạch Thị L3 vay tiền của chị Phi L2 số tiền là 70.000.000đ. Tổng số tiền tôi và H chiếm đoạt là 390.000.000đ.*

Tương tự, tại lời khai ngày 19/12/2018 có sự tham gia của luật sư Nguyễn Duy Sơn, bị cáo Đà L khai: *Đối với lần vay ngày 14/01/2017, vay số tiền của bà H3 240.000.000đ, bà H3 và H đến nhà gặp tôi ở ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu để đưa tiền, khi gặp bà H3 nói tiền đã đưa H, có gì H đưa cho tôi. Ngày hôm sau H tính tiền để trả cho những người tôi vay còn đang thiếu thì H chỉ đưa cho tôi số tiền khoảng 80.000.000đ đến 90.000.000đ.*

Tại biên bản đối chất ngày 30/8/2019 có sự chứng kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo là ông Đặng Văn Nam, bị cáo Đà L khai: *không nhớ thời gian trước tết hay sau tết tôi có thỏa thuận vay của chị H số tiền 90.000.000đ.*

Như vậy, giữa lời khai ngày 19/12/2018 và Bản đối chất ngày 30/8/2019 đều thể hiện có việc bị cáo H đưa cho bị cáo Đà L số tiền 90.000.000đ. Do đó, cần làm rõ số tiền 90.000.000đ là số tiền của bị cáo H cho bị cáo Đà L vay mượn hay trong khoảng tiền chiếm đoạt số tiền 240.000.000đ của bà H3 sau khi trừ nợ với những người khác; nếu số tiền này là trong số tiền chiếm đoạt của bà H3 thì bị cáo Đà L đã nhờ bị cáo H trừ nợ cho những ai với số tiền là bao nhiêu.

[2.3] Tại lời khai của ông Huỳnh Ngọc S là Trưởng ấp Prey Chop, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu xác định: *ngày 12/4/2017, gia đình bà Xuân H3 có mời tôi đến để chứng kiến việc Đà L thừa nhận tổng số tiền nợ. Khi đến nơi, tôi có nghe Đà L thừa nhận giả danh người khác để vay tiền của bà H3, chị Phi L2 nhưng không biết rõ giả danh ai và vay với số tiền bao nhiêu. Sau đó, tôi có hỏi bị cáo Đà L có phải còn nợ gia đình bà H3 và chị Phi L2 số tiền là 1.897.000.000đ (một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu đồng); khi bị cáo Đà L xác nhận đúng thì tôi có ký xác nhận ở phía sau.*

Lời khai của Tăng Thị X xác định: ngày 12/4/2017, sau khi Phi L2 xuất viện về nhà thì bà có đến thăm và có chứng kiến sự việc Đà L thừa nhận nợ với bà H3 và Phi L2. Bà có nghe Đà L thừa nhận cùng H giả danh người khác để vay tiền của

bà H3 và Phi L2 nhưng bà không nghe rõ giả tên ai và vay với số tiền bao nhiêu. Sau đó, bà có thấy ông S là Trưởng ấp ký xác nhận vào tờ giấy biên nhận nợ mà Đà L ký thừa nhận tổng số tiền còn nợ là 1.897.000.000đ

Tại lời khai của bị cáo Đà L (BL 245) xác nhận ngày 12/4/2017 bị cáo có gặp ông S trưởng ấp, bà M và một người phụ nữ khoảng 40 tuổi tại nhà của bà H3 để tổng kết số nợ còn thiếu của bà H3 và chị Phi L2.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ thể hiện thì việc bị cáo Đà L thừa nhận tổng số công nợ vào ngày 12/4/2017 là có diễn ra trên thực tế. Tờ biên nhận ngày 12/4/2017 chỉ thể hiện bị cáo Đà L còn nợ tổng cộng là 1.897.000.000đ, không thể hiện rõ bị cáo tự vay mượn số tiền là bao nhiêu và giả danh người khác là bao nhiêu. Quá trình điều tra, cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ trong tổng số tiền nợ 1.897.000.000đ thì bị cáo Đà L tự vay mượn của bà H3 và chị Phi L2 là bao nhiêu và bị cáo đã thực hiện bao nhiêu lần giả danh người khác để chiếm đoạt bao nhiêu tiền của bà H3 và chị Phi L2.

[2.4] Căn cứ vào các lời khai của bị cáo H thể hiện bị cáo Đà L là người cung cấp bản photo giấy chứng minh nhân dân để thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo Đà L thì cho rằng bị cáo H mới chính là người cung cấp bản photo chứng minh nhân dân và cũng chính bị cáo H là người hướng dẫn bị cáo Đà L thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành làm rõ nội dung này nhằm xác định sự thật của vụ án, nghĩa là bị cáo nào là người khởi xướng, cung cấp bản photo giấy chứng minh nhân dân để thực hiện hành vi phạm tội.

[2.5] Quá trình điều tra, truy tố cũng như xét xử sơ thẩm, bị cáo H và bà H3 thừa nhận trong khoản tiền 240.000.000đ mà bị cáo đã giả danh nghĩa người khác để chiếm đoạt thì bị cáo đã đóng được 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) nhưng bản án sơ thẩm lại không đối trừ trách nhiệm dân sự là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Xét thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, tài liệu để làm căn cứ buộc tội đối với các bị cáo là còn nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc Hội đồng xét xử phúc thẩm còn nghi ngờ tính trung thực khách quan và liên quan của chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo. Đồng thời, việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên cần hủy toàn bộ bản án để điều tra lại nhằm để xác định đúng sự thật khách quan của vụ án.

[3] Do cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên không xem xét đến kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu và nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo cũng như của bị hại.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo và bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND TP Bạc Liêu (02 bản);
- CQĐT TP Bạc Liêu (01 bản);
- Chi cục THA dân sự TP Bạc Liêu (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Các Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Bị hại (01 bản);

(Đã ký)

Châu Văn Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Tám

Lê Thanh Danh

Châu Văn Mỹ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND TP Bạc Liêu (02 bản);
- CQĐT TP Bạc Liêu (01 bản);
- Chi cục THA dân sự TP Bạc Liêu (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Các Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Văn Mỹ